

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02 /2022/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 10 tháng 01 năm 2022

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 19/01/2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 về quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 12/TTr-STNMT ngày 04 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre ban hành kèm theo Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Xác định phần diện tích đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở hoặc tiếp tục sử dụng

1. Phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở quy định tại điểm a và b khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là phần diện tích không đảm bảo về diện tích tối thiểu được tách thửa quy định tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre hoặc bằng hoặc lớn hơn diện tích tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban

nhân dân tỉnh nhưng có hình thể, kích thước không phù hợp và không thể xây dựng nhà ở, đồng thời không đủ điều kiện để xây dựng nhà ở.

2. Phần diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để tiếp tục sử dụng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai là phần diện tích không đảm bảo về diện tích tối thiểu được tách thửa quy định tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về diện tích đất tối thiểu được tách thửa đối với các loại đất trên địa bàn tỉnh Bến Tre và không tiếp tục được việc sản xuất nông nghiệp hoặc phi nông nghiệp”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Bồi thường, hỗ trợ đối với phần diện tích đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở hoặc tiếp tục sử dụng

Trường hợp phần diện tích đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở hoặc tiếp tục sử dụng, nếu người có đất thu hồi có yêu cầu thì Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn người có đất thu hồi làm văn bản đề nghị Nhà nước thu hồi và bồi thường cùng với diện tích bị thu hồi. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với chủ đầu tư xem xét từng trường hợp cụ thể và quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ theo quy định.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Bồi thường, hỗ trợ đối với đất trong hành lang an toàn bảo vệ lưới điện cao áp

Việc bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất trong phạm vi hành lang an toàn bảo vệ lưới điện cao áp (thuộc diện không thu hồi đất) được thực hiện theo pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Mức bồi thường trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng như sau:

1. Điện áp đến 220 kV

a) Đất ở: Mức bồi thường bằng 60% giá trị bồi thường về đất tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng;

b) Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở: Mức bồi thường bằng 50% giá trị bồi thường về đất tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng;

c) Đất nông nghiệp (kể cả đất nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đa mục đích cùng với đất ở): Mức bồi thường bằng 40% giá trị bồi thường về đất tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng.

2. Điện áp đến 500 kV

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều này”.

4. Bãi bỏ Điều 12.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng các công trình có hành lang bảo vệ

Mức bồi thường thiệt hại trong trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ (trừ các trường hợp quy định tại khoản 12 Điều 1, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện) bằng 30% giá trị bồi thường về đất tính trên diện tích đất bị hạn chế khả năng sử dụng”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 15 như sau:

“1. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi Nhà nước thu hồi đất phải tháo dỡ toàn bộ hoặc một phần mà phần còn lại không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì chủ sở hữu nhà ở, công trình đó được bồi thường bằng giá trị xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

Trường hợp phần còn lại của nhà ở, công trình vẫn đảm bảo tiêu chuẩn, kỹ thuật theo quy định của pháp luật thì bồi thường theo thiệt hại thực tế. Thiệt hại thực tế bao gồm giá trị bồi thường cộng chi phí sửa chữa hoàn thiện nhà ở, công trình.

Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có thể tháo rời và di chuyển đến chỗ mới để lắp đặt lại thì chỉ bồi thường các chi phí tháo dỡ, lắp đặt và chi phí hao hụt trong quá trình tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

4. Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất

a) Các trường hợp quy định tại Điều 92 Luật Đất đai;

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân khi xây dựng mới mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng và thông báo không được phép xây dựng.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không

1. Việc bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời ra khỏi hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không điện áp đến 220kV theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 14/2017/NĐ-CP thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do làm hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một (01) lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không. Mức bồi thường, hỗ trợ bằng 70% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt theo đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;

b) Trường hợp nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật về đất đai được xem xét, hỗ trợ. Mức hỗ trợ bằng 60% giá trị phần nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt theo đơn giá xây dựng mới nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Điện áp đến 500 kV

Việc bồi thường nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp điện áp 500kV được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Quy định này (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Quyết định này)”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Bồi thường, hỗ trợ đối với cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp

1. Cây trong hành lang và có trước khi có thông báo thu hồi đất để xây dựng lưới điện nếu không phải chặt bỏ và cấm trồng theo quy định tại khoản 3

Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tía cây để đảm bảo an toàn cho lưới điện và thực hiện bồi thường theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bồi thường cây trồng khi Nhà nước thu hồi đất.

2. Cây ngoài hành lang và có thể vi phạm khoảng cách an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 14/2014/NĐ-CP thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra, chặt, tía cây để đảm bảo an toàn cho lưới điện và thực hiện bồi thường như đối với cây trong hành lang quy định tại khoản 1 Điều này”.

9. Sửa đổi, khoản 2, khoản 3 Điều 18; bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:

“2. Hỗ trợ chi phí đào, bốc, di chuyển và các chi phí khác:

a) Mộ đất: 4.000.000 đồng/mộ;

b) Mộ xây bao đá ong, đá xanh: 5.000.000 đồng/mộ;

c) Mộ kiên cố (thành, vách xây gạch quét vôi, sơn nước, ốp gạch hoặc ốp đá hoa cương): 7.000.000 đồng/mộ;

d) Mộ tập thể:

- Dưới 10 người: 10.000.000 đồng/mộ;

- Từ 10 người trở lên: 15.000.000 đồng/mộ;

3. Suất cải táng:

a) Xã: 10.000.000 đồng/mộ;

b) Thị trấn: 11.000.000 đồng/mộ;

c) Phường: 12.000.000 đồng/mộ;

d) Đối với mộ tập thể suất cải táng như điểm a, b, c và được cộng thêm:

- Dưới 10 người: 3.000.000 đồng/mộ;

- Từ 10 người trở lên: 5.000.000 đồng/mộ.

4. Trường hợp mộ mà chưa xác định được thân nhân thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện việc đào, bốc, di chuyển, cải táng, xây dựng mới. Mức bồi thường giá trị xây dựng mới, hỗ trợ chi phí đào, bốc, di chuyển, suất cải táng và các chi phí khác được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Quyết định số 29/2019/QĐ-UBND và khoản 6 Điều 1 Quyết định này”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3, Điều 21 như sau:

“d) Giao các Sở quản lý chuyên ngành hướng dẫn, thẩm định dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ di dời và lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của Nhà nước về quản lý các dự án đầu tư, cụ thể:

- Sở Xây dựng: thẩm định và phê duyệt (nếu có) đối với công trình xây dựng, công nghiệp vật liệu xây dựng, cấp, thoát nước, chiếu sáng đô thị, cây xanh.
- Sở Giao thông vận tải: thẩm định và phê duyệt (nếu có) đối với công trình giao thông.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: thẩm định và phê duyệt (nếu có) đối với công trình thủy lợi, đê điều, nông - lâm - ngư - nghiệp.
- Sở Công Thương: thẩm định và phê duyệt (nếu có) đối với công trình điện, hệ thống đường dẫn xăng, dầu, khí, gas.
- Sở Tài nguyên và Môi trường: thẩm định và phê duyệt (nếu có) đối với công trình xử lý nước thải, xử lý chất thải (bãi chứa, bãi chôn lấp rác).
- Sở Thông tin và Truyền thông: thẩm định và phê duyệt (nếu có) đối với công trình công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông, tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình.

Văn bản thẩm định của Sở chuyên ngành thẩm định thiết kế - dự toán các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để là cơ sở cho cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (hồ sơ thiết kế - dự toán công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được xem là bộ phận của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)”.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất theo Điều 91 Luật Đất đai, thực hiện như sau:

1. Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất được quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, Điều 11 của Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT, khoản 1 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT. Mức hỗ trợ như sau:

2. Hỗ trợ ổn định đời sống thực hiện như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di

chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 24 tháng;

Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ tối đa 36 tháng;

b) Diện tích đất thu hồi quy định tại điểm a khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền; Diện tích đất nông nghiệp hỗ trợ ổn định đời sống là diện tích đất nông nghiệp do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định thu hồi đất;

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng, theo thời giá trung bình tại thời điểm hỗ trợ của địa phương.

3. Hỗ trợ ổn định sản xuất thực hiện như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất một lần, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ như sau:

- Đối với đất trồng cây hàng năm: 30.000.000 đồng/ha.
- Đối với đất trồng cây lâu năm: 50.000.000 đồng/ha.
- Đối với đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối: 40.000.000 đồng/ha;

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình cá nhân, sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) thì được hỗ trợ ổn định sản xuất một lần bằng tiền với mức bằng 30% của 01 năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối thuộc đối tượng quy định tại điểm d, đ, e Khoản 1 Điều 2 Nghị định

số 148/2020/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo hình thức bằng tiền theo mức quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

5. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động. Thời gian trợ cấp là 06 tháng”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, Điều 4 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT thực hiện như sau:

1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi Nhà nước thu hồi đất được hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi. Trường hợp cá biệt trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chủ trương hỗ trợ, nhưng mức cao nhất không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi. Diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 129 của Luật đất đai.

2. Ngoài mức hỗ trợ được quy định tại khoản 1 Điều này, đối tượng bị thu hồi đất còn được hưởng các chế độ theo quy định tại Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất và các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng lập và trình phê duyệt Phương án đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm đồng thời với Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

13. Sửa đổi, bổ sung điểm d, điểm đ, điểm e khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 26 như sau:

“1. Đối tượng, điều kiện được bố trí tái định cư

d) Trường hợp trong hộ gia đình mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp

vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi mà không có chỗ ở (nhà ở và đất ở) nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và quyết định cho từng trường hợp cụ thể;

đ) Trường hợp nhà xây trên đất nông nghiệp, chủ sở hữu nhà có hộ khẩu thường trú, đủ điều kiện được bồi thường về nhà, phải di chuyển chỗ ở và không còn nhà ở, đất ở nơi khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và quyết định cho từng trường hợp cụ thể;

e) Trường hợp nhà xây trên đất của chủ khác, chủ sở hữu nhà có hộ khẩu thường trú, đủ điều kiện được bồi thường về nhà, phải di chuyển chỗ ở và không còn nhà ở, đất ở nơi khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét và quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

2. Nguyên tắc xác định giá đất tái định cư

a) Giá đất trên 01 đơn vị diện tích (m^2) tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định trên cơ sở giá bồi thường đất ở bình quân của dự án cộng chi phí đầu tư hạ tầng chia cho tổng diện tích của dự án;

b) Căn cứ vào điều kiện kinh tế, xã hội của địa phương, quy mô, thiết kế của dự án tái định cư, có thể đề xuất nhiều mức giá thu tiền sử dụng đất tái định cư để phù hợp với việc lựa chọn của người được bố trí tái định cư;

c) Giá đất tái định cư từng dự án tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất, trình Sở Tài chính chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư là:

a) Xã: 65.000.000 đồng/suất;

b) Thị trấn: 78.000.000 đồng/suất;

c) Phường: 91.000.000 đồng/suất”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:

“Điều 27. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước

Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước theo Điều 23 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, thực hiện như sau:

Người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước, có thời gian thuê nhà từ 6 tháng trở lên, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét từng trường hợp cụ thể để hỗ trợ theo mức sau:

- a) Đối với nhà có diện tích xây dựng dưới 50 m²: 4.500.000 đồng/hộ;
- b) Đối với nhà có diện tích xây dựng từ 50 m² trở lên: 7.000.000 đồng/hộ;
- c) Trường hợp nếu phải di chuyển sang tỉnh khác được hỗ trợ thêm cho mỗi trường hợp: 3.000.000 đồng/hộ”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 như sau:

“1. Đối với những hộ gia đình, cá nhân không trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi bị thu hồi đất nông nghiệp, bị thu hồi đất ở hoặc không bị thu hồi đất (ở nhờ trên đất người khác) nếu phải di chuyển nhà ở đi nơi khác thì được hỗ trợ 6 tháng. Mức hỗ trợ bằng tiền tương đương 30 kg gạo cho 01 nhân khẩu/tháng; giá gạo tính theo thời giá trung bình ở địa phương”.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

“Điều 30. Việc bàn giao mặt bằng, di chuyển tài sản, vật kiến trúc, cây trồng

1. Người có đất thu hồi tự tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống đúng thời gian quy định thì được sử dụng lại vật liệu bị phá dỡ, cây trồng đã được bồi thường.

2. Trường hợp người có đất thu hồi không tự tổ chức tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống thì Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức tháo dỡ theo quy định và thu hồi vật liệu bị phá dỡ (nếu có) để thanh lý thu tiền nộp vào ngân sách Nhà nước, chi phí thực hiện việc tháo dỡ được tính vào kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư”.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Các dự án, công trình đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư trước ngày quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre; các ngành có liên quan, triển khai thực hiện. Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này thống nhất trên địa bàn tỉnh, tổ chức theo dõi công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh kịp thời và đúng quy định.

Điều 4. Điều khoản thi thành

1. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Giao thông và Vận tải; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bến Tre; Thủ trưởng các ban ngành, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Chính phủ; —
- Vụ pháp chế - Bộ TNMT (kiểm tra);
- Cục kiểm tra VBQPPL - BTP (kiểm tra);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- VKSND tỉnh, TAND tỉnh;
- MTTQ và các TCCTXH tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Báo Đồng khởi;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh (02 bản);
- Ban Tiếp công dân (niêm yết);
- Phòng TCĐT, KT, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Ngọc Tam